



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
(đã được kiểm toán)

A member of  International

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-26
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 0500447942, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 01 tháng 06 năm 2012.

Trụ sở của Công ty tại: Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phùng Đệ	Chủ tịch
Ông Hoàng Anh Dũng	Ủy viên
Ông Hoàng Đình Phẩm	Ủy viên
Ông Lê Xuân Thành	Ủy viên
Ông Tạ Trung Hiếu	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phùng Đệ	Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Thành	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trương Thị Thu Cúc	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thanh	Thành viên
Bà Bùi Thị My	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN 1

Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phùng Đệ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 được lập ngày 15 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Dương Quân Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1686-2013-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		82.591.656.413	78.147.542.186
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	37.208.324.452	35.796.819.392
111	1. Tiền		4.556.381.798	11.538.578.841
112	2. Các khoản tương đương tiền		32.651.942.654	24.258.240.551
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.841.561.788	4.843.164.334
131	1. Phải thu của khách hàng		5.670.507.249	4.288.500.866
132	2. Trả trước cho người bán		470.910.270	854.519.199
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(299.855.731)	(299.855.731)
140	IV. Hàng tồn kho	4	39.305.498.596	37.475.327.302
141	1. Hàng tồn kho		39.305.498.596	37.475.327.302
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		236.271.577	32.231.158
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		145.362.959	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5	39.508.618	5.831.158
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	51.400.000	26.400.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		28.691.494.534	32.707.755.458
220	II. Tài sản cố định		26.842.947.872	30.846.791.539
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	22.505.347.872	26.509.191.539
222	- Nguyên giá		73.853.914.714	71.479.540.142
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(51.348.566.842)	(44.970.348.603)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	4.337.600.000	4.337.600.000
228	- Nguyên giá		4.337.600.000	4.337.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	557.724.476	1.423.993.845
258	3. Đầu tư dài hạn khác		557.724.476	1.423.993.845
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.290.822.186	436.970.074
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.290.822.186	436.970.074
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		111.283.150.947	110.855.297.644

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		34.379.220.473	37.432.895.777
310	I. Nợ ngắn hạn		32.079.220.473	35.332.895.777
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	5.735.350.000	7.735.350.000
312	2. Phải trả người bán		14.754.162.748	12.386.528.574
313	3. Người mua trả tiền trước		1.802.477.179	3.298.189.641
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	746.462.930	1.482.598.147
315	5. Phải trả người lao động		5.131.511.293	5.022.502.163
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	639.315.336	3.135.885.744
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.269.940.987	2.271.841.508
330	II. Nợ dài hạn		2.300.000.000	2.100.000.000
333	3. Phải trả dài hạn khác		2.300.000.000	2.100.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		76.903.930.474	73.422.401.867
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	76.903.930.474	73.422.401.867
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		34.000.000.000	34.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		12.700.000.000	12.700.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		15.647.163.867	13.847.163.867
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		3.440.240.342	3.040.240.342
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.116.526.265	9.834.997.658
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		111.283.150.947	110.855.297.644

Thủy

Dung



Phan Thị Thủy
 Người lập

Hạ Thị Dung
 Kế toán trưởng

Phùng Đệ
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	265.280.847.420	243.930.258.919
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		265.280.847.420	243.930.258.919
11	4. Giá vốn hàng bán	16	241.714.412.952	220.227.691.438
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.566.434.468	23.702.567.481
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	2.161.216.192	621.448.386
22	7. Chi phí tài chính	18	589.593.267	725.119.363
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		589.593.267	725.119.363
24	8. Chi phí bán hàng	19	5.757.659.165	5.221.313.124
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	3.829.635.930	3.939.799.550
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.550.762.298	14.437.783.830
31	11. Thu nhập khác		2.324.500	70.318.182
40	13. Lợi nhuận khác		2.324.500	70.318.182
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.553.086.798	14.508.102.012
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	3.446.558.191	3.667.921.968
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>12.106.528.607</u>	<u>10.840.180.044</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	3.561	3.188

Thủy

Dung



Phan Thị Thúy
Người lập

Hạ Thị Dung
Kế toán trưởng

Phùng Đệ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		218.201.012.052	281.319.842.512
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(163.108.271.962)	(206.449.296.699)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(31.721.921.874)	(35.683.241.401)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(589.593.267)	(725.119.363)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(3.677.608.178)	(3.706.262.803)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.333.705.592	512.892.505
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.676.658.923)	(9.904.491.842)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.760.663.440	25.364.322.909
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.374.374.572)	(2.224.112.014)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	70.318.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(1.300.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		664.000.000	889.532.600
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.161.216.192	621.448.386
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		450.841.620	(1.942.812.846)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.000.000.000	3.578.471.570
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.000.000.000)	(1.578.471.570)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.800.000.000)	(6.800.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.800.000.000)	(4.800.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.411.505.060	18.621.510.063
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		35.796.819.392	17.175.309.329
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	37.208.324.452	35.796.819.392

Shuy

Phan Thị Thúy
Người lập

Dung

Hạ Thị Dung
Kế toán trưởng



Phùng Đệ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 0500447942, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 01 tháng 06 năm 2012.

Trụ sở của Công ty tại: Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 34.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 34.000.000.000 đồng; tương đương 3.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Chi nhánh Hà Nội	Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Buôn Ma Thuột	Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Đà Nẵng	Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính của các chi nhánh là kinh doanh, phân phối các sản phẩm thiết bị điện của Công ty.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất, kinh doanh các thiết bị đóng cắt, điều khiển, chiếu sáng và bảo vệ dòng điện cao áp, trung áp và hạ áp;
- Lắp đặt các thiết bị đường dây điện đến 35KV;
- Thi công xây lắp cơ sở hạ tầng;
- Xuất nhập khẩu vật liệu điện và thiết bị điện;
- Kinh doanh các loại vật tư, vật liệu điện và thiết bị phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất dây và thiết bị dây dẫn;
- Kinh doanh bất động sản.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Tỉnh Quảng Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh, do đó không trích khấu hao.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.13 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.



3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	25.142.429	26.838.872
Tiền gửi ngân hàng	4.531.239.369	11.511.739.969
Các khoản tương đương tiền	32.651.942.654	24.258.240.551
	37.208.324.452	35.796.819.392

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền gửi có kỳ hạn hoặc tương đương tiền có giá trị 32.651.942.654 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại Quân đội, Ngân hàng Công thương Việt nam với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất từ 5 %/năm đến 6 %/năm.

4 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.493.270.260	6.873.736.236
Công cụ, dụng cụ	27.053.239	40.893.930
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.597.248.824	1.697.780.800
Thành phẩm	24.425.449.077	26.619.222.328
Hàng gửi đi bán	3.762.477.196	2.243.694.008
	39.305.498.596	37.475.327.302

5 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	33.677.460	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	5.831.158	5.831.158
	39.508.618	5.831.158

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	51.400.000	26.400.000
	51.400.000	26.400.000



CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN I

Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2014	19.630.112.713	45.740.130.712	5.393.555.280	715.741.437	-	71.479.540.142
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	385.441.117	405.095.000	1.583.838.455	-	-	2.374.374.572
Tại ngày 31/12/2014	20.015.553.830	46.145.225.712	6.977.393.735	715.741.437	-	73.853.914.714
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2014	12.718.405.847	27.725.149.749	3.854.857.789	671.935.218	-	44.970.348.603
Trích khấu hao	1.045.049.981	4.646.034.893	643.327.146	43.806.219	-	6.378.218.239
Tại ngày 31/12/2014	13.763.455.828	32.371.184.642	4.498.184.935	715.741.437	-	51.348.566.842
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014	6.911.706.866	18.014.980.963	1.538.697.491	43.806.219	-	26.509.191.539
Tại ngày 31/12/2014	6.252.098.002	13.774.041.070	2.479.208.800	-	-	22.505.347.872

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.896.486.951 VND

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	4.337.600.000	-	4.337.600.000
Tại ngày 31/12/2014	4.337.600.000	-	4.337.600.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	4.337.600.000	-	4.337.600.000
Tại ngày 31/12/2014	4.337.600.000	-	4.337.600.000

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	557.724.476	1.423.993.845
Góp vốn vào Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	100.000.000	100.000.000
Cho vay dài hạn ⁽¹⁾	457.724.476	1.323.993.845
	557.724.476	1.423.993.845

(1) Hợp đồng cho các cá nhân, tổ chức vay dài hạn với lãi suất bằng lãi suất từ 8% - 10 % /năm, thời hạn của hợp đồng theo từng lần gia hạn cụ thể.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	436.970.074	376.508.300
Tăng trong năm	1.290.822.186	412.965.267
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(436.970.074)	(352.503.493)
Tại ngày 31/12	1.290.822.186	436.970.074

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.290.822.186	436.970.074
	1.290.822.186	436.970.074

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	5.735.350.000	7.735.350.000
Vay Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Xem thuyết minh)	5.735.350.000	7.735.350.000
	5.735.350.000	7.735.350.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

- Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐVV/TBĐVN-VINAKIP ngày 06 tháng 04 năm 2011 và phụ lục gia hạn lần 14 ngày 31 tháng 10 năm 2014, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Tổng số tiền vay là 1.735.350.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 31/12/2014;
 - + Lãi suất cho vay: 6%/năm;
 - + Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐVV/TBĐVN-VINAKIP ngày 22 tháng 10 năm 2012 và phụ lục gia hạn lần 9 ngày 31 tháng 10 năm 2014, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Tổng số tiền vay là 2.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 31/12/2014;
 - + Lãi suất cho vay: 6%/năm;
 - + Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐVV/TBĐVN-VINAKIP ngày 20 tháng 06 năm 2013 và phụ lục gia hạn lần 6 ngày 31 tháng 10 năm 2014, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Tổng số tiền vay là 2.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 31/12/2014;
 - + Lãi suất cho vay: 6%/năm;
 - + Tài sản đảm bảo: Không có tài sản đảm bảo.

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	505.085.230
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	663.214.930	894.264.917
Thuế Thu nhập cá nhân	83.248.000	83.248.000
	746.462.930	1.482.598.147

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	413.271.146	484.201.803
Bảo hiểm xã hội	60.146.626	57.184.202
Bảo hiểm y tế	76.633.181	76.633.181
Bảo hiểm thất nghiệp	53.328.158	53.328.158
Phải trả, phải nợ khác	35.936.225	2.464.538.400
	639.315.336	3.135.885.744

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÍ CỤ ĐIỆN 1

Phường Xuân Khanh, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng VND
	VND		VND		VND		VND		VND		
Năm 2013											
Tại ngày 01/01/2013	34.000.000.000		12.700.000.000		12.097.163.867		2.647.240.342		9.587.817.614		71.032.221.823
Lãi/lỗ trong năm	-		-		-		-		10.840.180.044		10.840.180.044
Phân phối lợi nhuận năm 2012 ⁽¹⁾	-		-		1.750.000.000		393.000.000		(7.263.080.000)		(5.120.080.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2013 ⁽²⁾	-		-		-		-		(3.329.920.000)		(3.329.920.000)
Tại ngày 31/12/2013	34.000.000.000		12.700.000.000		13.847.163.867		3.040.240.342		9.834.997.658		73.422.401.867
Năm 2014											
Tại ngày 01/01/2014	34.000.000.000		12.700.000.000		13.847.163.867		3.040.240.342		9.834.997.658		73.422.401.867
Lãi/lỗ trong năm	-		-		-		-		12.106.528.607		12.106.528.607
Phân phối lợi nhuận năm 2013 (1)	-		-		1.800.000.000		400.000.000		(7.495.080.000)		(5.295.080.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2014 (2)	-		-		-		-		(3.329.920.000)		(3.329.920.000)
Tại ngày 31/12/2014	34.000.000.000		12.700.000.000		15.647.163.867		3.440.240.342		11.116.526.265		76.903.930.474

(1) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 257 ngày 19/04/2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Số tiền		Tỷ lệ %
	VND		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			
Trích Quỹ đầu tư phát triển	13.164.917.658	100,00%	
Trích Quỹ dự phòng tài chính	1.800.000.000	13,67%	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	400.000.000	3,04%	
Chi trả cổ tức (bằng 20 % vốn điều lệ)	1.825.000.000	13,86%	
Lợi nhuận chưa phân phối	6.800.000.000	51,65%	
	2.339.917.658	17,77%	

(2): Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 257/NQ/ĐHĐCĐ ngày 19/04/2014 đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tạm ứng cổ tức năm 2014, do đó căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2014 và điều lệ Công ty; Hội đồng Quản trị Công ty tạm ứng cổ tức cho cổ đông thể nhân (chiếm 48,97% vốn chủ sở hữu) theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 17/07/2014 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 28/11/2014 của Hội đồng quản trị. Mức tạm ứng cổ tức là 2.000 đồng/ cổ phiếu, tương đương 20% vốn điều lệ.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Vốn góp của Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	51,03%	17.350.400.000	51,03%	17.350.400.000
Vốn góp của cổ đông khác	48,97%	16.649.600.000	48,97%	16.649.600.000
	100%	34.000.000.000	100%	34.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	34.000.000.000	34.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	34.000.000.000	34.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	34.000.000.000	34.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.800.000.000	6.800.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	3.470.080.000	3.470.080.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	3.329.920.000	3.329.920.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.400.000	3.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.400.000	3.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.400.000	3.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.400.000	3.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.400.000	3.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.647.163.867	13.847.163.867
Quỹ dự phòng tài chính	3.440.240.342	3.040.240.342
	19.087.404.209	16.887.404.209

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán thành phẩm	252.138.948.156	234.795.934.923
Doanh thu bán hàng hóa	13.141.899.264	9.134.323.996
	265.280.847.420	243.930.258.919

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	229.112.226.188	211.884.320.324
Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.602.186.764	8.343.371.114
	241.714.412.952	220.227.691.438

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	2.141.216.192	621.448.386
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000	-
	2.161.216.192	621.448.386

18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	589.593.267	725.119.363
	589.593.267	725.119.363

19 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân công	509.296.292	449.214.955
Chi phí khấu hao tài sản cố định	511.934.163	500.896.964
Chi phí khác bằng tiền	4.736.428.710	4.271.201.205
	5.757.659.165	5.221.313.124

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	22.797.273	13.396.084
Chi phí nhân công	667.080.081	592.917.016
Chi phí khấu hao tài sản cố định	493.378.351	709.911.344
Thuế, phí, lệ phí	394.791.100	431.888.625
Chi phí dự phòng	-	25.434.810
Chi phí khác bằng tiền	2.251.589.125	2.166.251.671
	3.829.635.930	3.939.799.550

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.553.086.798	14.508.102.012
Các khoản điều chỉnh tăng	133.086.798	163.585.860
- Chi phí không được trừ khi xác định thuế TNDN	133.086.798	163.585.860
Các khoản điều chỉnh giảm	(20.000.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(20.000.000)	-
Tổng thu nhập tính thuế	15.666.173.596	14.671.687.872
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	3.446.558.191	3.667.921.968
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.446.558.191	3.667.921.968
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	894.264.917	932.605.752
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.677.608.178)	(3.706.262.803)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	663.214.930	894.264.917

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	12.106.528.607	10.840.180.044
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.106.528.607	10.840.180.044
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.400.000	3.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.561	3.188

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	178.632.077.813	167.094.731.534
Chi phí nhân công	38.438.840.862	34.509.460.015
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.378.218.239	7.181.856.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.839.798.808	2.783.386.480
Chi phí khác bằng tiền	12.410.585.561	9.450.563.575
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	238.699.521.283	221.019.998.188

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.208.324.452	-	35.796.819.392	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.670.507.249	(299.855.731)	4.288.500.866	(299.855.731)
Đầu tư dài hạn	557.724.476	-	1.423.993.845	-
	43.436.556.177	(299.855.731)	41.509.314.103	(299.855.731)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			5.735.350.000	7.735.350.000
Phải trả người bán, phải trả khác			17.693.478.084	17.622.414.318
			23.428.828.084	25.357.764.318

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản trương đương tiền	37.208.324.452	-	-	37.208.324.452
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.370.651.518	-	-	5.370.651.518
Đầu tư dài hạn	-	557.724.476	-	557.724.476
	42.578.975.970	557.724.476	-	43.136.700.446
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản trương đương tiền	35.796.819.392	-	-	35.796.819.392
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.988.645.135	-	-	3.988.645.135
Đầu tư dài hạn	-	1.423.993.845	-	1.423.993.845
	39.785.464.527	1.423.993.845	-	41.209.458.372

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	5.735.350.000	-	-	5.735.350.000
Phải trả người bán, phải trả khác	15.393.478.084	2.300.000.000	-	17.693.478.084
	<u>21.128.828.084</u>	<u>2.300.000.000</u>	<u>-</u>	<u>23.428.828.084</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	7.735.350.000	-	-	7.735.350.000
Phải trả người bán, phải trả khác	15.522.414.318	2.100.000.000	-	17.622.414.318
	<u>23.257.764.318</u>	<u>2.100.000.000</u>	<u>-</u>	<u>25.357.764.318</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bao gồm hoạt động sản xuất thiết bị điện. Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo Lĩnh vực Kinh doanh và khu vực địa lý.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
Doanh thu			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	16.999.000	227.351.470
Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội	Thành viên TCT	926.796.915	774.672.372
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Thành viên TCT	1.654.500.000	11.655.050.000
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	3.084.846.000	2.954.425.000
Công ty CP Chế tạo điện cơ Hà Nội	Thành viên TCT	26.019.300	-
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Thành viên TCT	293.625.000	1.078.450.000
Lãi cho vay vốn			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	432.415.267	521.487.105

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
		VND	VND
Phải thu tiền hàng			
Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội	Thành viên TCT	20.113.720	1.507.083
Phải trả tiền hàng			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	756.079.500	255.872.683
Phải trả tiền vay			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	5.735.350.000	7.735.350.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	801.555.163	803.338.770

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Phan Thị Thúy
Người lập



Hạ Thị Dung
Kế toán trưởng



Phùng Đệ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2015

